

DỰ THẢO ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban chấp hành trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế của Giáo dục đại học

PHẦN THỨ NHẤT

Bối cảnh quốc tế, trong nước và công tác triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI

I. Bối cảnh quốc tế và trong nước tác động đến quá trình đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo Việt Nam

Đánh giá bối cảnh tình hình thế giới, khu vực và trong nước; đặc điểm của địa phương, cơ quan, đơn vị; những yếu tố tác động đến quá trình đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo qua 10 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế (Nghị quyết số 29-NQ/TW).

II. Quá trình quán triệt, tuyên truyền và tổ chức thực hiện Nghị quyết

1. Công tác nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết

Đánh giá quá trình hướng dẫn, biên soạn tài liệu, tổ chức học tập, nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết số 29-NQ/TW của các cấp, các ngành. Chỉ rõ phương thức, tiến độ và hiệu quả triển khai.

2. Công tác tuyên truyền Nghị quyết

Đánh giá hình thức, nội dung, hiệu quả tuyên truyền về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo tới cán bộ, đảng viên và nhân dân; đánh giá về mức độ đồng thuận, ủng hộ của nhân dân đối với các hoạt động đổi mới giáo dục.

3. Công tác triển khai thực hiện Nghị quyết

- Việc ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo; xây dựng chương trình, kế hoạch, hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW của các cấp, các ngành; việc thể chế hóa các nội dung Nghị quyết số 29-NQ/TW thành các quy định cụ thể để thực hiện thống nhất trong Đảng, hệ thống chính trị và trong xã hội.

- Đánh giá quá trình lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức triển khai các đề án thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW; chỉ rõ những nội dung đã hoàn thành và đang áp dụng trong thực tiễn (hiệu quả xã hội của các đề án) hoặc chưa hoàn thành (chưa thực hiện).

- Công tác kiểm tra, giám sát, các hoạt động sơ kết, tổng kết Nghị quyết số 29-NQ/TW qua các giai đoạn 5 năm, 10 năm; việc gắn các nội dung của Nghị quyết với việc kiểm điểm, đánh giá kết quả hoạt động đơn vị hàng năm, cả nhiệm kì.

PHẦN THỨ HAI

Thành tựu, hạn chế, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm qua 10 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW về giáo dục đại học

I. Thành tựu

1. Kết quả thực hiện mục tiêu cụ thể Nghị quyết số 29-NQ/TW

- Đánh giá việc tập trung đào tạo nhân lực trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài, phát triển phẩm chất và năng lực tự học, tự làm giàu tri thức, sáng tạo của người học.

Đào tạo nhân lực trình độ cao

1. số lượng đào tạo đại học, ths, TS (2013 và 2022), tỷ lệ tăng/ giảm
2. số lượng công bố quốc tế trong các cơ sở GDDH của VN tăng (2013 và 2022)
3. số lượng sinh viên tốt nghiệp làm việc cho các doanh nghiệp R&D, doanh nghiệp nước ngoài, công ty đa quốc gia tại VN hoặc khu vực.

Phát triển phẩm chất và năng lực tự học, tự làm giàu tri thức, sáng tạo của người học

1. Ban hành khung cơ cấu giáo dục quốc dân và khung trình độ quốc gia VN, hỗ trợ học tập suốt đời, định hướng phát triển chương trình theo tiếp cận đầu ra,...
2. Ban hành chuẩn chương trình, tạo cơ chế liên thông, công nhận kết quả học tập... đa dạng hóa các hình thức, phương thức đào tạo trong GDDH
3. Hệ thống tài nguyên hỗ trợ học tập, tự học, học suốt đời...

- Đánh giá việc hoàn thiện mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học, cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo phù hợp với quy hoạch phát triển nhân lực quốc gia; trong đó, có một số trường và ngành đào tạo ngang tầm khu vực và quốc tế.

Đánh giá việc hoàn thiện mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học

1. Mạng lưới các cơ sở GDDH đã phát triển, vùng sâu, vùng xa, vùng kinh tế khó khăn chưa phát triển được các trường đại học để đào tạo nguồn nhân lực phát triển KTXH
2. số lượng trường tự phát triển song quy mô sinh viên ngoài công lập còn thấp so với khu vực và trên thế giới

Cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo phù hợp với quy hoạch phát triển nhân lực quốc gia

1. Quy hoạch phát triển nhân lực quốc gia chưa gắn với cơ cấu trình độ và cơ cấu ngành nghề đào tạo, chưa có sự điều tiết vĩ mô của nhà nước, chưa có dự báo nhu cầu đào tạo nhân lực hỗ trợ xây dựng các chính sách quốc gia về đào tạo nguồn nhân lực

2. Việc quy hoạch phát triển nguồn nhân lực quốc gia còn phân mảnh, đôi khi chồng chéo giữa chức năng, nhiệm vụ của các bộ ngành và địa phương

Một số trường và ngành đào tạo ngang tầm khu vực và quốc tế

- Số trường và số ngành đào tạo của các trường trong các bảng xếp hạng quốc tế.

- Đánh giá việc đa dạng hóa các cơ sở đào tạo phù hợp với nhu cầu phát triển công nghệ và các lĩnh vực, ngành nghề; yêu cầu xây dựng, bảo vệ Tổ và hội nhập quốc tế.

2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp

2.1. Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của nhà nước đối với đổi mới giáo dục và đào tạo

Đánh giá khái quát về việc ban hành cơ chế, chính sách; chương trình, kế hoạch, đề án triển khai quan điểm “giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển, được ưu tiên đi trước một bước trong các chương trình phát triển kinh tế - xã hội”; mức độ hiểu biết và ủng hộ của cán bộ, đảng viên và nhân dân về quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

- Đảng lãnh đạo, chỉ đạo thông qua: NQ 29, NQ19...

- Đã thể chế hóa chủ trương, chỉ đạo của Đảng trong Luật 2018, và các VB dưới Luật

+ Đổi mới cơ chế quản trị trong môi cơ sở GDDH

+ Đổi mới cơ chế quản lý NN đối với GDDH

+ Đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá trong GDDH

- Đổi mới đồng bộ từ tuyển sinh, phát triển chương trình, tổ chức đào tạo, cán bộ quản lý và giảng viên, kiểm tra, đánh giá, thực hành, thực tập và công nhận tốt nghiệp (khía cạnh QLNN)

2.2. Về đổi mới đồng bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục, đào tạo theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học trong các cơ sở GDDH

Đổi mới đồng bộ từ tuyển sinh, phát triển chương trình, tổ chức đào tạo, cán bộ quản lý và giảng viên, kiểm tra, đánh giá, thực hành, thực tập và công nhận tốt nghiệp (khía cạnh cơ sở GDDH)

a) Đánh giá về đổi mới quy chế đào tạo (có hai chủ thể: bộ và các cơ sở đào tạo)

- Việc ban hành văn bản: Công tác rà soát, ban hành quy chế đào tạo có được thực hiện thường xuyên và tập trung vào hoàn thiện nhưng quy định liên quan đến phát triển phẩm chất, năng lực người học hay không? Số lượng văn bản đã ban hành?

- Những quy định được sửa đổi, bổ sung có tác động thế nào đến hệ thống, cơ sở giáo dục đại học và người học?

- Kết quả thực hiện quy chế đào tạo của các cơ sở giáo dục đại học (đổi mới phương pháp, hình thức đào tạo) như thế nào? Làm rõ kết quả liên quan phát triển năng lực sáng tạo, kỹ năng thực hành, tăng cường nghiên cứu khoa học?

- Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân: Việc xây dựng quy chế đào tạo thường gặp phải những khó khăn gì; một số hạn chế vẫn chưa khắc phục trong quá trình thực hiện quy chế đào tạo; nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế này.

b) Đánh giá về đổi mới chương trình đào tạo (chủ yếu ở cơ sở đào tạo)

- Khung trình độ quốc gia và tác động của việc ban hành văn bản này đối với việc xây dựng và phát triển chương trình đào tạo.

- Việc ban hành các văn bản hướng dẫn xây dựng chương trình đào tạo (Thông tư 07/2015 và 17/2021 trước đó là chương trình khung - Luật GDĐH 2012 bỏ chương trình khung)

- Kết quả hoạt động quản lý cập nhật, phát triển chương trình đào tạo theo hướng tinh giản nội dung, phát triển phẩm chất, năng lực người học; tăng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

- Những nội dung thay đổi lớn trong quá trình phát triển chương trình đào tạo hiện nay so với năm 2013. (2013 bắt đầu bỏ chương trình khung, các trường được tự chủ trong xây dựng chương trình. đến 2015 có 07 về quy trình x.)

- Tác động của việc xây dựng chương trình theo chuẩn chương trình đào tạo hiện nay (theo QĐ của Thủ tướng Chính phủ, chuẩn hỗ trợ liên thông, công nhận tín chỉ)

- Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân: Việc xây dựng chương trình đào tạo thường gặp phải những khó khăn gì; một số hạn chế vẫn chưa khắc phục trong quá trình phát triển chương trình; nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế này.

Đánh giá chất lượng giữa một chương trình cùng tên cùng ngành, cùng chương trình đào tạo khác nhau ở các cơ sở đào tạo khác nhau ...

2.3. Về đổi mới căn bản hình thức và phương pháp thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo, bảo đảm trung thực, khách quan

1. *Đổi mới thi đại học giai đoạn 2013-2022*

2. *Đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá chương trình đào tạo, học phần môn học gắn từ khâu thiết kế, phát triển CTĐT theo tiếp cận đầu ra đối với trình độ đại học*

3. *Đánh giá về tài trợ nghiên cứu và công bố trong đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ, sau tiến sĩ.*

a) Đánh giá về đổi mới trong công tác tuyển sinh

- Việc ban hành quy chế tuyển sinh trong 10 năm qua: Số lần quy chế đào tạo đã được sửa đổi, danh mục các văn bản ban hành quy chế; (2015 kết thúc thi ba chung chuyển sang thi tốt nghiệp THPT quốc gia và thi THPT 2020);

- Những nội dung thay đổi trong quy chế qua mỗi lần sửa đổi, bổ sung; hiệu quả của mỗi lần thay đổi quy chế đào tạo tác động đến các cơ sở giáo dục đại học;

- Những kết quả nổi bật các cơ sở giáo dục đại học đạt được trong đổi mới công tác tuyển sinh từ năm 2013 đến năm 2023? Lộ trình, phương án đổi mới và kết quả đạt được trong tuyển sinh giáo dục đại học trong thời gian tới?

- Việc đổi mới công tác xác định chỉ tiêu tuyển sinh trong 10 năm qua: việc ban hành các văn bản hướng dẫn xác định chỉ tiêu tuyển sinh; những nội dung lớn thay đổi trong việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh; kết quả thực hiện xác định chỉ tiêu tuyển sinh của các cơ sở giáo dục đại học;

- Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân: Công tác tuyển sinh thường gặp phải những khó khăn gì; một số hạn chế vẫn chưa khắc phục trong quá trình đổi mới tuyển sinh; nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế này.

b) Về đổi mới trong thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên

- Những đổi mới trong thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên tại các cơ sở giáo dục đại học (việc ban hành quy định về thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập tại các cơ sở giáo dục đại học? việc tổ chức thực hiện? kết quả thực hiện?...); đối sánh thời điểm hiện tại so với năm 2013.

- Đánh giá sự phát triển của hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục đại học: (Bộ GDĐT đã ban hành những văn bản gì để phát triển hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục đại học? Số lượng trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục đại học? Số lượng kiểm định viên? Số lượng người đủ tiêu chuẩn làm trưởng đoàn đánh giá ngoài? Số lượng người đã học và được cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiểm định viên? Số lượng cơ sở đào tạo đã hoàn thành báo cáo tự đánh giá? Số lượng cơ sở đào tạo được kiểm định chất lượng theo tiêu chuẩn trong nước? theo tiêu chuẩn nước ngoài? Số lượng chương trình đào tạo được kiểm định theo tiêu chuẩn Việt Nam? Theo tiêu chuẩn của nước ngoài?); Tồn tại, hạn chế của hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục đại học hiện nay? Tính “độc lập” của các trung tâm kiểm định? Tài chính cho hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục?; Định hướng lớn về phát triển hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục trong thời gian tới?

- Hoạt động kiểm tra, đánh giá, kiểm soát chất lượng giáo dục của các cơ sở giáo dục đại học ngoài công lập: Sự phát triển hệ thống các trường đại học ngoài công lập? Việc thực hiện các cam kết thành lập trường đối với các trường ngoài công lập? Số lượng các trường đại học ngoài công lập đã được kiểm định chất lượng giáo dục/tổng số cơ sở giáo dục đại học? Số lượng chương trình đào tạo của các trường ngoài công lập được kiểm định/tổng số chương trình đào tạo?

- Hoạt động kiểm tra, đánh giá, kiểm soát chất lượng giáo dục của các cơ sở giáo dục đại học có yếu tố nước ngoài: Sự phát triển hệ thống cơ sở giáo dục đại học có yếu tố nước ngoài?

- Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân; việc chuyển đổi loại hình từ dân lập sang tư thục.

2.4. Về hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng hệ thống giáo dục mở, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập

1. *Đánh giá khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân: đảm bảo tính mở?*

2. *Đánh giá xây dựng triển khai VQF*

Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân, tác động của việc ban hành văn bản này?

a) *Đánh giá về đổi mới các loại hình đào tạo*

- Đánh giá khái quát việc ban hành quy định về học liên thông, vừa làm vừa học, đào tạo từ xa trong giáo dục đại học nhằm hướng đến học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập (quy định đã được sửa đổi bao nhiêu lần, những thay đổi lớn trong quy định...)?

- Những kết quả nổi bật đạt được trong đổi mới quy định về học liên thông, vừa làm vừa học, đào tạo từ xa trong giáo dục đại học.

- Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

b) *Đánh giá về đổi mới công tác Quy hoạch*

- Đánh giá về công tác Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sự phạm gắn với quy hoạch phát triển kinh tế-xã hội của vùng và quốc gia. (thực hiện quyết định 121/2007 sau trình 37/2013 điều chỉnh, 2019 trình 02 đề án cho Thủ tướng Chính phủ, Quyết định 209/2021 phê duyệt do luật quy hoạch mới);

- Kết quả triển khai quy hoạch có bao nhiêu cơ sở, có bao nhiêu trường được xếp hạng, thành lập đại học bách khoa;

- Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân chậm do luật quy hoạch mới.

c) *Đánh giá về thực hiện phân tầng cơ sở giáo dục đại học*

- Việc ban hành các văn bản quy định và thực hiện phân tầng cơ sở giáo dục đại học theo định hướng nghiên cứu và ứng dụng, thực hành. (Có nghị định 73 phân tầng, 2018 có Luật sửa đổi bỏ, Nghị định 99 có nội dung phân loại các trường định hướng nghiên cứu và ứng dụng/thực hành;

- Kết quả đạt được trong việc và thực hiện phân tầng cơ sở giáo dục đại học theo định hướng nghiên cứu và ứng dụng, thực hành. Do 2014 có luật GDNN chuyển cao đẳng về GDNN nên 2018 hết phân tầng;

- Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân phân tầng và phân loại là do cơ sở GDDH tự xác định không theo mệnh lệnh hành chính, quy định phân tầng trong Luật 2012 không phù hợp với thực tế và tự chủ đại học;

d) Đánh giá về kết quả hoàn thiện mô hình đại học quốc gia và đại học vùng

- Việc ban hành hệ thống văn bản quy định về đại học quốc gia, đại học vùng và những thay đổi trong 10 năm qua; sau luật 2012 ban hành các nghị định và quyết định về đại học quốc gia, luật 2018 bổ sung việc chuyển trường đại học thành đại học theo các phương thức khác nhau;

- Việc tổ chức thực hiện quy định về đại học quốc gia, đại học vùng (thông tư 10 về đại học vùng);

Hai đại học quốc gia được coi là đầu về vai trò quan trọng trong hệ thống thực hiện các nhiệm vụ quốc gia và có tên trong bản xếp hạng quốc tế.

Riêng ĐH vùng liên kết vùng, đào tạo nhân lực cho vùng.

- Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân: Quy hoạch chung đô thị Hòa Lạc chậm...

đ) Đánh giá về đổi mới việc xã hội hóa trong giáo dục đại học

- Việc ban hành các văn bản quy định khuyến khích xã hội hóa để đầu tư xây dựng và phát triển các trường chất lượng cao ở các trình độ của giáo dục đại học; tăng tỉ lệ trường ngoài công lập đối với giáo dục đại học: số lượng văn bản, những nội dung về chính sách đặc thù khuyến khích xã hội hóa để thu hút nhà đầu tư, phát triển các trường ngoài công lập, đầu tư cho giáo dục đại học;

- Kết quả thực hiện chủ trương khuyến khích xã hội hóa để đầu tư xây dựng và phát triển các trường chất lượng cao ở các trình độ của giáo dục đại học; tăng tỉ lệ trường ngoài công lập đối với giáo dục đại học (Cơ chế, chính sách hiện tại đã đủ để tạo thuận lợi cho các trường ngoài công lập đào tạo chất lượng cao? Số lượng trường đại học ngoài công lập có tổng mức đầu tư lớn khi thành lập? số lượng trường tư thực thay đổi như thế nào trong 10 năm qua).

- Những kết quả đạt được

- Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

2.5. Về đổi mới căn bản công tác quản lý giáo dục, đào tạo, bảo đảm dân chủ, thống nhất; tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các cơ sở giáo dục đại học; coi trọng quản lý chất lượng.

1. Đổi mới cơ chế QLNN đối với GDDH: tăng quyền tự chủ và gắn trách nhiệm giải trình

2. Công khai, minh bạch thông tin

3. QLNN bằng công cụ chuẩn và hệ thống quy định

4. chất lượng từ bên trong: công bố, quy mô, tài chính, các điều kiện đảm bảo, chuyển giao công nghệ, sáng chế...chất lượng sinh viên tốt nghiệp

5. Quản lý chất lượng GDDH và kiểm định

a) Đánh giá về công tác tự chủ giáo dục đại học

- Đánh giá khái quát việc ban hành quy định về tự chủ giáo dục đại học và trách nhiệm giải trình (việc ban hành các văn bản liên quan tới tự chủ giáo dục đại học; việc tổ chức thực hiện tự chủ hiện nay?); những kết quả nổi bật đạt được hiện nay so với khi chưa ban hành Nghị quyết 29?

- Nghị quyết 77 (cả báo cáo thực hiện Nghị quyết và hội nghị tự chủ 2022)

- Việc đáp ứng các điều kiện thực hiện tự chủ theo Luật 34

+ Thành lập Hội đồng trường

Vai trò của Hội đồng trường trong quản trị trường đại học? Mối quan hệ của cơ quan quản lý trực tiếp với Nhà trường và giữa Hội đồng trường/Ban giám hiệu/Đảng ủy? Nghị định 99 quy định về Hội đồng trường

+ Thực hiện kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học; kiểm định chương trình đào tạo

+ Ban hành hệ thống các văn bản nội bộ

- Đổi mới tự chủ về tổ chức, bộ máy

- Đổi mới tự chủ về tài chính, tài sản

- Đổi mới tự chủ về học thuật và hoạt động chuyên môn

+ Về tuyển sinh (phương thức tuyển sinh; xác định chỉ tiêu tuyển sinh; tổ chức tuyển sinh...);

+ Về tự chủ mở ngành đào tạo (số lượng ngành đào tạo do các cơ sở giáo dục đại học tự chủ mở;)

+ Về liên kết đào tạo với nước ngoài;

+ Về hoạt động khoa học công nghệ để phục vụ cộng đồng.

- Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

b) Đổi mới điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục đại học

- Đánh giá công tác chuẩn hóa các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục; quản lý chất lượng đầu ra; xây dựng hệ thống kiểm định độc lập về chất lượng giáo dục đại học; sự phân định giữa quản lý nhà nước và quản trị cơ sở giáo dục đại học (*Việc hoàn thiện hệ thống các văn bản liên quan đến các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục? Quy định về chuẩn đầu ra và việc quản lý chất lượng đầu ra hiện nay được thực hiện thế nào? Các quy định đã phân định rõ chức năng nhiệm vụ của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và việc thực hiện các quy định này thế nào? Khó khăn vướng mắc trong việc xây dựng hệ thống kiểm định độc lập về chất lượng giáo dục đại học là gì?*).

- Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

c) Về phát triển nguồn nhân lực

- Triển khai các đề án, nhiệm vụ: Đề án 69, Đề án 89 ETEP, SAHEP, chương trình tiên tiến, POHE;

- Kết quả thực hiện:

- Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

d) Tăng cường nghiên cứu khoa học và công nghệ trong cơ sở GDĐH

đ) Về đổi mới hội nhập quốc tế

e) Về đổi mới công tác thanh tra, kiểm tra

- Đánh giá việc tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra các cơ sở giáo dục đại học trong hoạt động tự chủ giáo dục đại học và trách nhiệm giải trình (kết quả thanh tra, kiểm tra về việc đáp ứng các điều kiện tự chủ);

- Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

2.6. Về phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo

- Đánh giá khái quát về việc ban hành cơ chế, chính sách, hướng dẫn; chương trình, kế hoạch, đề án, hoạt động xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo (Nghị định 116, 71, giao chỉ tiêu đào tạo sư phạm 02). Những kết quả nổi bật đạt được trong công tác phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục trong các cơ sở giáo dục đại học.

+ *Số lượng đội ngũ giảng viên 2013-2022, phân theo ngành và trình độ đào tạo, vùng miền, độ tuổi, giới tính*

+ *Số lượng giảng viên đi đào tạo ở các nước 2013-2022*

+ *Số lượng giảng viên có công bố quốc tế 2013-2022*

+ *Số lượng giảng viên nghiên cứu khoa học và công bố trong nước*

+ *Số giảng viên, CBQL được đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ*

- Chính sách phát triển, quy hoạch mạng lưới các cơ sở đào tạo giáo viên ở trung ương và địa phương; chính sách thu hút và sự hấp dẫn của các trường sư phạm đối với học sinh giỏi theo học (116, trình đề án sắp xếp các trường sư phạm 2019)

+ *Chính sách phát triển, quy hoạch mạng lưới các cơ sở đào tạo giáo viên ở trung ương và địa phương*

+ *Chính sách thu hút và sự hấp dẫn của các trường sư phạm đối với học sinh giỏi theo học*

- Việc ban hành các chính sách ưu đãi đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kết quả triển khai chế độ ưu đãi và tuổi nghỉ hưu hợp lý đối với nhà giáo có trình độ cao; mức độ thực hiện chủ trương “Lương của nhà giáo được ưu tiên xếp cao nhất trong hệ thống thang bậc lương hành chính sự nghiệp và có thêm phụ cấp tùy theo tính chất công việc, theo vùng”

- Chính sách hỗ trợ giảng viên trẻ về chỗ ở, học tập và nghiên cứu khoa học; huy động chuyên gia quốc tế và người Việt Nam ở nước ngoài tham gia giảng dạy và nghiên cứu ở các cơ sở giáo dục, đào tạo trong nước.

2.7. Về đổi mới chính sách, cơ chế tài chính, huy động sự tham gia đóng góp của xã hội; nâng cao hiệu quả đầu tư để phát triển giáo dục và đào tạo

- Đánh giá khái quát việc ban hành văn bản, hướng dẫn; các chương trình, đề án, hoạt động đổi mới chính sách, cơ chế tài chính; huy động sự tham gia đóng góp của toàn xã hội; nâng cao hiệu quả đầu tư để phát triển giáo dục và đào tạo. Những kết quả nổi bật đạt được về đổi mới chính sách cơ chế, tài chính cho giáo dục.

- Tổng chi ngân sách cho giáo dục hàng năm so với yêu cầu tối thiểu 20% tổng chi ngân sách; đánh giá cơ cấu chi, mức độ đáp ứng yêu cầu thực tiễn để nâng cao chất lượng, đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

- Đánh giá hiệu quả đầu tư các chương trình, đề án trọng điểm phục vụ phát triển giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học; giáo dục vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Việc ban hành chính sách và kết quả thực hiện huy động nguồn lực xã hội trong và ngoài nước đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo; hoạt động liên doanh, liên kết với các cơ sở giáo dục trong nước, nước ngoài.

- Chính sách tín dụng, ưu tiên, học bổng, hỗ trợ tài chính cho các đối tượng chính sách, đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, học sinh có hoàn cảnh khó khăn đảm bảo cơ hội tiếp cận công bằng giáo dục và đào tạo.

2.8. Về nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ, đặc biệt là khoa học giáo dục và khoa học quản lý

- Đánh giá khái quát việc ban hành cơ chế, chính sách, hướng dẫn; chương trình, kế hoạch, đề án, hoạt động nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ, đặc biệt là khoa học giáo dục và khoa học quản lý. Những kết quả nổi bật đạt được trong hoạt động nghiên cứu khoa học.

- Thể chế, đầu tư nâng cao năng lực, chất lượng và hiệu quả nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ của các cơ sở giáo dục đại học; gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo và nghiên cứu, giữa các cơ sở đào tạo với các cơ sở sản xuất, kinh doanh.

- Kết quả thực hiện chủ trương “ưu tiên đầu tư phát triển khoa học cơ bản, khoa học mũi nhọn, phòng thí nghiệm trọng điểm, phòng thí nghiệm chuyên ngành, trung tâm công nghệ cao, cơ sở sản xuất thử nghiệm hiện đại trong một số cơ sở giáo dục đại học”.

- Công tác sáp nhập một số tổ chức nghiên cứu khoa học và triển khai công nghệ với các trường đại học công lập; khuyến khích sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học; thành lập viện, trung tâm nghiên cứu và chuyển giao công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, hỗ trợ đăng ký và khai thác sáng chế, phát minh trong các cơ sở đào tạo.

- Đánh giá việc thực hiện chủ trương “Tập trung đầu tư nâng cao năng lực, chất lượng, hiệu quả hoạt động của cơ quan nghiên cứu khoa học giáo dục quốc gia. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ nghiên cứu và chuyên gia giáo dục. Triển khai chương trình nghiên cứu quốc gia về khoa học giáo dục”.

2.9. Về chủ động hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong giáo dục, đào tạo

- Đánh giá khái quát việc ban hành cơ chế, chính sách, hướng dẫn; chương trình, kế hoạch, đề án, hoạt động hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong giáo dục, đào tạo.

- Xu hướng tăng trưởng về quy mô đào tạo ở nước ngoài bằng nguồn ngân sách trong và ngoài nhà nước; tác động của chính sách đào tạo ở nước ngoài tới phát triển giáo dục và đào tạo trong nước.

- Các hình thức liên kết, hợp tác quốc tế trong giáo dục và đào tạo; cơ chế, chính sách quản lý chất lượng, hiệu quả của các hoạt động liên kết, hợp tác quốc tế trong giáo dục và đào tạo.

- Việc xây dựng và triển khai cơ chế, chính sách khuyến khích các tổ chức quốc tế, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài tham gia hoạt động đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ ở Việt Nam.

II. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

1. Tồn tại, hạn chế

- Tập trung phân tích và làm rõ những tồn tại, hạn chế trong nghiên cứu, học tập, triển khai thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW; văn bản thể chế hóa về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; quá trình tổ chức thực hiện, việc thực hiện các mục tiêu, quan điểm chỉ đạo, chủ trương và giải pháp được nêu trong Nghị quyết số 29-NQ/TW.

- Năng lực tổ chức quản lý, triển khai các nhiệm vụ, giải pháp trong Nghị quyết 29-NQ/TW.

2. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan
- Nguyên nhân chủ quan

III. Một số mô hình hay, cách làm hiệu quả trong triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW

IV. Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW

V. Một số bài học kinh nghiệm

PHẦN THỨ BA

**Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu,
tạo đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo**

I. Dự báo tình hình

Bối cảnh trong nước và quốc tế, tình hình địa phương; quy hoạch, chiến lược, dự báo nguồn nhân lực gắn với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, vùng, địa phương; những diễn biến, xu hướng đáng lưu ý về kinh tế - xã hội, về khoa học công nghệ ảnh hưởng tới đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo trong giai đoạn tới.

II. Phương hướng

Chỉ rõ phương hướng tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo trên cơ sở đánh giá kết quả thực 10 năm thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW; bám sát định hướng phát triển giáo dục và đào tạo trong Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, trong các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư triển khai Nghị quyết Đại hội XIII, trong Nghị quyết Đảng bộ địa phương; xu hướng phát triển thế giới về giáo dục và đào tạo trong bối cảnh tác động sâu rộng và toàn diện của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

III. Nhiệm vụ, giải pháp

Các nhiệm vụ, giải pháp hướng tới tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng; tuyên truyền nâng cao nhận thức về vai trò, ý nghĩa, nhiệm vụ, giải pháp đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; gắn các nhiệm vụ, giải pháp với hiện thực hóa quan điểm “giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu”; khắc phục những tồn tại, hạn chế, yếu kém trong triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-CT/TW; nhân rộng, phát huy những mô hình tốt, cách làm hay trong đổi mới giáo

dục và đào tạo; tạo được sự đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng được những quan điểm mới, yêu cầu mới.

IV. Đề xuất, kiến nghị

1. Đối với Trung ương
2. Đối với Quốc hội
3. Đối với Chính phủ
4. Đối với các Bộ, ngành
5. Các địa phương

Các kiến nghị, đề xuất cần xuất phát từ quan điểm “giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu”, tập trung đầu tư, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

SỐ LIỆU THỐNG KÊ (Kèm theo báo cáo của đơn vị)

So sánh các chỉ số giữa năm 2013 với năm 2023